

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 26/7/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH , TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Tiến.

2. Bà Trần Thị Minh Tâm.

Thư ký phiên tòa: Ông Biện Vệt Cường – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hữu Lý - Kiểm sát Viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2022 tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2022/TLST - HNGĐ, ngày 12 tháng 01 năm 2022, về Vệc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2022/QĐST - HNGĐ, ngày 20 tháng 6 năm 2022 và thông báo mở lại phiên tòa số 33/TB – TA, ngày 11/7/2022 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc V, sinh năm 1983; địa chỉ: Xóm 5, thôn 1, xã SK, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận: Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Phan Văn Q, sinh năm 1979; HKTT: Xóm 5, thôn 1, xã SK, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận; nơi cư trú hiện nay: Tổ 2, khu phố 6, thị trấn ĐT, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận: Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn – Chị Nguyễn Thị Ngọc V trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc V và anh Phan Văn Q tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn ĐT, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận vào năm 2004. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời

gian thì phát sinh mâu thuẫn. Do vợ chồng bất đồng quan điểm; không có tiền nói chung nên chung sống không có hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Thời gian này, các bên không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Chị V không còn tình cảm với anh Q nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

- Về con chung: Chị V và anh Q có 04 người con chung tên là Phan Thị Cẩm T1, sinh năm 2020; Phan Thị Cẩm T2, sinh năm 2003; Phan Thị Cẩm N, sinh năm 2010; Phan Thị Cẩm L, sinh năm 2019. Đối với các con Phan Thị Cẩm T1, Phan Thị Cẩm T2 đã thành niên và có khả năng lao động nên chị V không có yêu cầu gì. Nếu ly hôn, chị V có nguyện vọng được nuôi hai người con Phan Thị Cẩm N, Phan Thị Cẩm L cho đến khi thành niên và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Thể hiện tại các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án bị đơn – anh Phan Văn Q trình bày:

Do bị tai biến nên anh Q không nói được. Khi Tòa án hỏi một số vấn đề liên quan đến quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh Q thì anh Q nghe và nhận thức được nên anh Q trả lời Tòa án thông qua hành động gật đầu hoặc lắc đầu và người đại diện gia đình anh Q chứng kiến.

Anh Phan Văn Q không nhớ đăng ký kết hôn với chị V vào thời gian nào. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau. Đến năm 2019 anh Q bị tai biến thì vợ chồng không có hạnh phúc. Do chị V có quan hệ với người khác. Hiện nay, anh Q và chị V không còn chung sống với nhau. Do bị bệnh nên anh Q đang ở nhà anh rể để điều trị. Thời gian này, chị V không còn quan tâm chăm sóc anh Q. Quá trình sinh hoạt hàng ngày đều do vợ chồng anh Nguyễn Văn Phúc chăm lo. Anh Q không còn tình cảm với chị V. Anh Q không muốn sống với chị V mà muốn được sống với vợ chồng anh Phúc. Mặc dù, anh Q cũng muốn ly hôn với chị V, nhưng anh Q sợ sau khi ly hôn chị V bán hết tài sản. Cho nên, anh Q không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Q và chị V có 03 người con chung là Phan Thị Cẩm T1, sinh năm 2002; Phan Thị Cẩm T2, sinh năm 2003; Phan Thị Cẩm Nhung, sinh ngày 27/4/2010. Nếu ly hôn anh Q có nguyện vọng giao con Phan Thị Cẩm Nhung cho những người con Phan Thị Cẩm T1, Phan Thị Cẩm T2 nuôi dưỡng. Anh Q không đồng ý giao con Phan Thị Cẩm N cho chị V nuôi dưỡng. Đối với người con tên Phan Thị Cẩm L, sinh ngày 09/02/2019 không phải là con chung của anh Q và chị V; thế nhưng, anh Q không có yêu cầu giám định.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Q không yêu cầu giải quyết.

[3]. Những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:

- Chị Nguyễn Thị Ngọc V cung cấp các tài liệu chứng cứ gồm: 01 bản sao sổ hộ khẩu; 02 giấy chứng minh nhân dân photo; 01 bản sao giấy chứng nhận kết

hôn; 03 bản sao giấy khai sinh và 01 giấy khai sinh photo đứng tên Phan Thị Cẩm T2.

- Anh Phan Văn Q: Cung cấp 01 giấy ra Viện; 01 đơn thuốc; 01 sổ tiền lĩnh bảo hiểm xã hội; 01 sổ hộ khẩu (tất cả đều pho to).

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành lấy lời khai của các đương sự và xác minh về tình trạng quan hệ hôn nhân của chị V và anh Q.

[4]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa xét xử sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình tuân thủ theo đúng quy định của BLTTDS.

Ý kiến về Việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 146, 147, 203, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc V; chị Nguyễn Thị Ngọc V được ly hôn với anh Phan Văn Q.

Về con chung: Giao hai cháu Phan Thị Cẩm N, sinh năm 2010; Phan Thị Cẩm L, sinh năm 2019 cho chị V chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc không ai được phép ngăn cản.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc V phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

Trong giai đoạn giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Ngọc V đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Phan Văn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[2]. Về quan hệ pháp luật trong vụ án:

Nguyên đơn – chị Nguyễn Thị Ngọc V yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và tranh chấp nuôi con. Ngoài ra, các đương sự không có yêu cầu nào khác. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc V:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc V và anh Phan Văn Q tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2004 ở Ủy ban nhân dân thị trấn ĐT, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tại giấy chứng nhận kết hôn số 23/4; quyển số 01, ngày 23/3/2004. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Do anh Q bị bệnh tai biến và nghi ngờ chị V có quan hệ với người đàn ông khác nên vợ chồng bất đồng quan điểm; không có tiếng nói chung nên chung sống không còn hạnh phúc. Từ năm 2020 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Chị V không còn tình cảm với anh Q nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Tại các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đều thể hiện: Anh Q và chị V không còn tình cảm với nhau. Cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/3/2022 anh Q xác định không còn muốn sống chung với chị V. Anh Q cũng muốn ly hôn nhưng sợ sau khi ly hôn chị V bán hết tài sản nên anh Q không chấp nhận ly hôn.

Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân cũng như lời khai của anh Nguyễn Văn Phúc là người đại diện gia đình anh Q đều xác định: Vợ chồng anh Q và chị V không còn chung sống với nhau. Cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Thời gian anh Q bị bệnh và điều trị thì chị V không đến thăm nom, chăm sóc.

Xét thấy: Hiện nay, anh Phan Văn Q bị bệnh tai biến nên không nói được và bị liệt một bên tay phải. Anh Q có thể tự đi lại được nhưng không nói được. Anh Q đang sống tại nhà vợ chồng anh Nguyễn Văn Phúc. Vợ chồng anh Phúc là người trực tiếp chăm sóc và giúp anh Q điều trị bệnh. Trong thời gian qua, chị V không đến thăm nom, chăm sóc anh Phúc. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tác động chị V quay về chung sống đoàn tụ để có điều kiện chăm sóc anh Q trong thời gian điều trị bệnh, nhưng chị V cho rằng cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc và chị V không còn tình cảm với anh Q nên không chấp nhận quay về chung sống. Như vậy, cuộc sống vợ chồng của chị V và anh Q đã phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, đời sống chung

không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị V yêu cầu ly hôn là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận, xử cho Chị V được ly hôn với anh Q là phù hợp.

[4] Về con chung:

Chị Nguyễn Thị Ngọc V xác định: Anh Q và chị V có 04 người con chung 04 người con chung tên là Phan Thị Cẩm T1, sinh năm 2020; Phan Thị Cẩm T2, sinh năm 2003; Phan Thị Cẩm N, sinh năm 2010; Phan Thị Cẩm L, sinh năm 2019. Nếu ly hôn, chị V có nguyện vọng được nuôi hai người con Phan Thị Cẩm N, Phan Thị Cẩm L cho đến khi thành niên

Đối với các con Phan Thị Cẩm T1, Phan Thị Cẩm T2 đã thành niên và có khả năng lao động nên chị V không có yêu cầu gì.

Xét thấy: Thể hiện tại biên bản lấy lời khai của đương sự, ngày 24/3/2022 anh Phan Văn Q xác định: Anh Q và chị V có ba người con chung là Phan Thị Cẩm T1, sinh năm 2020; Phan Thị Cẩm T2, sinh năm 2003; Phan Thị Cẩm N, sinh năm 2010. Đối với Phan Thị Cẩm L, sinh năm 2019 không phải là con chung của chị V và anh Q. Thế nhưng, do anh Q không có yêu cầu Tòa án xác định Phan Thị Cẩm L là con riêng của chị V và cũng không yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định. Trong khi đó, chị V xác định cháu Phan Thị Cẩm Ly là con chung của anh Q và chị V.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu Phan Thị Cẩm Ly, sinh ngày 09/02/2019 được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân của anh Q và chị V. Anh Q không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh cháu Phan Thị Cẩm L không phải là con chung của chị V và anh Q. Cho nên, anh Q cho rằng cháu Phan Thị Cẩm L không phải con của anh Q là không có căn cứ chấp nhận. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ xác định: Anh Q và chị V có 04 người con chung là Phan Thị Cẩm T1, sinh năm 2020; Phan Thị Cẩm T2, sinh năm 2003; Phan Thị Cẩm N, sinh năm 2010; Phan Thị Cẩm L, sinh năm 2019

Hiện nay, chị V đang là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai người con là Phan Thị Cẩm N và Phan Thị Cẩm L. Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/5/2022 thể hiện: Cháu Phan Thị Cẩm N có nguyện vọng sống với chị V.

Xét thấy: Anh Q đang bị bệnh tai biến không nói được; bị liệt một bên tay phải nên điều kiện cuộc sống có nhiều khó khăn. Cho nên, cần tiếp tục cho giao Phan Thị Cẩm N, sinh ngày 27/4/2010 và Phan Thị Cẩm L, sinh ngày 09/02/2019 cho chị V được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Ngọc V không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc V và anh Phan Văn Q không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[6]. *Về án phí*: Cần buộc chị Nguyễn Thị Ngọc V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 điều 28, khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc V:

Chị Nguyễn Thị Ngọc V được ly hôn với anh Phan Văn Q.

- *Về con chung*:

Tiếp tục giao cho chị Nguyễn Thị Ngọc V có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai người con chung tên là Phan Thị Cẩm N, sinh ngày 27/4/2010 và Phan Thị Cẩm L, sinh ngày 09/02/2019 cho đến khi con thành niên.

Anh Q không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị V, nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc con; không ai được quyền ngăn cản.

Trường hợp các đương sự có thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn thì thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Ngọc V phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn mà chị V đã nộp theo biên lai số 0007671, ngày 12/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh. Chị V đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- CC THADS huyện Tánh Linh;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- UBND xã SK;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

Nguyễn Thị Yên